

Oba

Chapter 1

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

שְׁמוּעָה לְאֶדֹם יְהוָה אֲדָנִי אָמַר כֹּה עֲבַדְיָה חִזּוֹן 1
tin-tức về-Ê-đôm Giê-hô-va Chúa phán Như-vầy- của-Ô-ba-đia Khải-tượng
[H8052](#) [H0123](#) [H3069](#) [H0136](#) [H0559](#) [H3541](#) [H5662](#) [H2377](#)
קוֹמוּ שִׁלַּח בְּנוֹי וְצִיר יְהוָה מֵאֵת שְׁמִעֲנִי
Hãy-đứng-dậy đã-được-sai giữa-các-nước và-sứ-giả Giê-hô-va từ chúng-tôi-đã-nghe
[H7971](#) [H3068](#) [H0854](#) [H8085](#)
לְמַלְחָמָה: עָלֶיהָ וּנְקוּמָה
để-chiến-trận nghịch-nó và-chúng-ta-hãy-đứng-dậy
[H4421](#)

Sự hiện thấy của Áp-đia. Chúa Giê-hô-va phán về Ê-đôm như vậy: chúng ta có nghe lời rao từ Đức Giê-hô-va, và một sứ giả được sai đi giữa các nước rằng: Các người hãy dậy lên! Chúng ta hãy dậy lên nghịch cùng dân này đang đánh trận với nó!

מְאֹד: אֲתָה בְּזוּי בְּנוֹי נִתְתִּיךָ קָטָן הִנֵּה 2
rất người bị-khinh-dể giữa-các-nước Ta-đã-làm-cho-người nhỏ Đây
[H3966](#) [H0959](#) [H5414](#) [H2009](#)

Này, ta đã khiến người làm nhỏ giữa các nước. Người bị khinh dể lắm.

שְׁבִתּוֹ מְרוֹם סֶלַע בְּחֲנוּיִי שֹׁכֵנִי הַשִּׁיאָךְ לִבְךָ זִדּוֹן 3
chỗ-ở-của-nó cao đá trong-khe- kẻ-ở đã-lừa-dối-người của-lòng-người Sự-kiêu-ngạo
[H7675](#) [H4791](#) [H5553](#) [H2288](#) [H7931](#) [H5377](#) [H2087](#)
אֶרֶץ: יוֹרְדֵנִי מִי בִלְבּוֹ אָמַר
đất sẽ-hạ-ta-xuống Ai trong-lòng-mình nói
[H0776](#) [H3381](#) [H4310](#) [H0559](#)

Hỡi người là kẻ ở trong khe vầng đá, trong nơi cao, người nói trong lòng mình rằng: Ai sẽ có thể xô ta xuống đất? sự kiêu ngạo của lòng người đã lừa dối người.

מִשָּׁם קִנְיָד שִׁים כּוֹכָבִים בֵּין וְאֵם כְּנֶשֶׁר תַּגְבִּיהַ אֵם- 4
từ-đó ổ-của-người đặt các-ngôi-sao giữa và-dù- như-đại-bàng người-lên-cao Dù-
[H8033](#) [H7064](#) [H3556](#) [H0996](#) [H5404](#) [H1361](#)
יְהוָה: נֶאֱמַר אוֹרִידֶךָ
Giê-hô-va phán- Ta-sẽ-hạ-người-xuống
[H3068](#) [H5002](#) [H3381](#)

Dầu người lên cao như chim ưng, dầu người lớt ổ giữa các ngôi sao, ta cũng sẽ xô người xuống khỏi đó, Đức Giê-hô-va phán vậy!

נְדָמִיתָה ngươi-bị-hủy-diệt H1820	אֵיךְ sao	לַיְלָה ban-đêm H3915	שׁוֹדְרִי kẻ-cướp H7703	אִם- nếu-	לָךְ ngươi	בָּאוּ- đến- H0935	נִגְנְבִים kẻ-trộm H1590	אִם- Nếu-	5
הָלוֹא há-chẳng-phải H3808	לָךְ ngươi	בָּאוּ đến H0935	בְּצָרִים kẻ-hái-nho H1219	אִם- nếu-	רַיִם đủ-cho-chúng H1767	יִגְבּוּ chúng-sẽ-lấy H1589	הָלוֹא há-chẳng-phải H3808		
						עַלְלוֹת: trái-sốt H5955	וְשִׁאֲרוֹ chúng-sẽ-để-lại H7604		

Ngươi bị hủy diệt là thể nào! Nếu kẻ trộm hay là kẻ cướp ban đêm đến ngươi, thì há chẳng chỉ cướp lấy vừa đủ mà thôi sao? Nếu những người hái nho đến cùng ngươi, há chẳng để sót lại một vài buồng nho sao?

מִצְפָּנָיו kho-tàng-của-nó H4710	נִבְעָו bị-tìm-ra H1158	עֵשׂוֹ Ê-sau H6215	נִחַפְשׁוֹ đã-bị-lục-soát H2664	אֵיךְ Sao	6
---	---	--	---	--------------	---

Ê-sau đã bị lục soát là thể nào! Những đồ châu báu giấu kín của người đã bị khám xét là thể nào!

הַשִּׂאוֹךְ họ-đã-lừa-dối-người H5377	בְּרִיתְךָ của-giao-ước-người H1285	אִנְשֵׁי người H0376	כָּל- tất-cả H3605	שְׁלֹחֹךְ họ-đã-đuổi-người H7971	הַגְּבִיל biên-giới H1366	עַד- Đến- H5704	7
תַּחְתֶּיךָ dưới-người H8478	מְזוֹרֶךְ bẫy H4204	יִשִּׁמוּ họ-đặt H0376	לֶחֶמְךָ bánh-của-người H3899	שֶׁלְמֶךָ của-hòa-bình-người H7965	אִנְשֵׁי người H0376	לָךְ ngươi H3201	
					בּוֹ: trong-nó	וְתִבְיָנָה sự-hiểu-biết H8394	אֵין không-có H0369

Mọi kẻ đồng minh cùng ngươi đã đuổi ngươi cho đến nơi bờ cõi. Những kẻ hòa thuận cùng ngươi, thì phỉnh ngươi, thẳng hơn ngươi; còn những kẻ ăn bánh ngươi, thì đánh bẫy dưới ngươi; và người không có sự hiểu biết!

חֲכָמִים người-khôn-ngoan H2450	וְהֶאֱבַדְתִּי và-Ta-sẽ-diệt H0006	יְהוָה Giê-hô-va H3068	נֶאֱמַר- phán- H5002	הָהוּא đó H1931	בַּיּוֹם vào-ngày H3117	הָלוֹא Há-chẳng-phải H3808	8
			עֵשׂוֹ: Ê-sau H6215	מִהָרָה khỏi-núi H2022	וְתִבְיָנָה và-sự-hiểu-biết H8394	מֵאֲדוֹם khỏi-Ê-đôm H0123	

Đức Giê-hô-va phán: Trong ngày đó, ta há chẳng diệt những kẻ khôn khỏi xứ Ê-đôm, và những người thông sáng khỏi núi Ê-sau sao?

עֵשׂוֹ Ê-sau H6215	מִהָרָה khỏi-núi H2022	אִישׁ mỗi-người H0376	יִכָּרֵת- bị-diệt- H3772	לְמַעַן để H4616	הַיָּמָן hỡi-Thê-man H8487	גְּבוּרֶיךָ dũng-sĩ-của-ngươi H1368	וְיָחַתוּ Và-sẽ-kinh-hãi H2865	9
							מִקְטָל: bởi-sự-chém-giết H6993	

Hỡi Thê-man, những lính-chiến của ngươi sẽ thất kinh, hầu cho ai nấy bị trừ khỏi núi Ê-sau trong lúc giết lát.

לְעוֹלָם: mãi-mãi H5769	וְנִכְרַתְךָ và-ngươi-sẽ-bị-diệt H3772	בוֹשָׁה sự-xấu-hổ H0955	תִּכְסֶּיךָ sẽ-phủ-ngươi H3680	יַעֲקֹב Gia-cốp H3290	אָחִיךָ anh-em-ngươi H0251	מִחֲמַס Vi-sự-bạo-lực H2555	10
---	--	---	--	---	--	---	----

Ấy là vì cơ sự hung bạo ngươi đối với anh em ngươi là Gia-cốp, mà ngươi sẽ mang hổ, và bị diệt đời đời!

חילוֹ	זָרִים	שְׁבוּת	בְּיוֹם	מִנְגֵּד	עֹמְדִין	בְּיוֹם
quân-đội-của-nó	kẻ-lạ	bắt-đi	vào-ngày	đối-diện	người-đứng	Vào-ngày
H2428		H7617	H3117	H5048	H5975	H3117
יָדוּ	יְרוּשָׁלַם	וְעַל-	(שְׁעָרָיו)	[שְׁעָרוֹ]	בָּאוּ	וְנִכְרִים
họ-bắt-thăm	Giê-ru-sa-lem	và-trên-	cổng-của-nó	cổng-của-nó	đã-vào	và-người-nước-ngoài
H3032	H3389		H8179	H8179	H0935	H5237
				מֵהֶם:	כְּאַחַד	גַּם-אֹתָהּ
				trong-họ	như-một	cũng-người
				H1992	H0259	H1571
						גִּזְלֵם
						thăm
						H1486

Trong ngày người lạ cướp của cải nó, dân ngoại quốc vào các cửa thành nó, và bắt thăm trên thành Giê-ru-sa-lem, thì trong ngày ấy người đứng bên kia, người cũng chỉ như một người trong chúng nó.

תִּשְׂמַח	וְאֵל-	נִכְרוֹ	בְּיוֹם	אֶחָיִךְ	בְּיוֹם-	תִּרְאֵהוּ	וְאֵל-
vui-mừng	và-đừng-	bất-hạnh-của-nó	vào-ngày	anh-em-người	vào-ngày-	nhìn	Và-đừng-
H8055	H0408	H5235	H3117	H0251	H3117	H7200	H0408
בְּיוֹם	פִּיךָ	תִּגְדֹּל	וְאֵל-	אֶכְרֵם	בְּיוֹם	יְהוּדָה	לְבָנֶיךָ
vào-ngày	miệng-người	mở-lớn	và-đừng-	diệt-vong-của-họ	vào-ngày	Giu-đa	về-con-cái-
H3117	H6310	H1431	H0408	H0006	H3117	H3063	
							צָרָה:
							hoạn-nạn

Ôi! chớ nhìn xem ngày của anh em người, là ngày tai nạn của nó; chớ vui mừng trong ngày hủy diệt của con cái Giu-đa; cũng đừng nói cách khoe khoang trong ngày nó bị khốn khổ.

אֹתָהּ	גַּם-	תִּרְאֵהוּ	אֵל-	אֵיךְ	בְּיוֹם	עַמִּי	בְּשַׁעַר-	תִּבְוֵא	אֵל-
người	cũng-	nhìn	đừng-	tai-họa-của-họ	vào-ngày	dân-Ta	trong-cổng-	vào	Đừng-
	H1571	H7200	H0408	H0343	H3117		H8179	H0935	H0408
בְּיוֹם	בְּחִילֹךָ	תִּשְׁלַחְנָהּ	וְאֵל-	אֵיךְ	בְּיוֹם	בְּרַעְתּוֹ			
vào-ngày	vào-tài-sản-của-nó	giơ-ra	và-đừng-	tai-họa-của-nó	vào-ngày	vào-sự-khổ-của-nó			
H3117	H2428	H7971	H0408	H0343	H3117				
									אֵיךְ:
									tai-họa-của-nó
									H0343

Chớ vào cửa thành dân ta, đang này nó bị họa; chớ nhìn xem tai nạn nó, đang ngày nó bị khốn khổ! Chớ vờ lấy của cải nó, đang ngày nó bị họa hoạn.

תִּסְגֹּר	וְאֵל-	פְּלִטָּיו	אֶת-	לְהַכְרִית	הַפָּרֶק	עַל-	תִּעֲמֹד	וְאֵל-
giao-nộp	và-đừng-	người-trốn-thoát-của-nó	-	để-diệt	ngã-rẽ	tại-	đứng	Và-đừng-
H5462	H0408		H0853	H3772	H6563		H5975	H0408
				צָרָה:	בְּיוֹם	שְׂרִידָיו		
				hoạn-nạn	vào-ngày	người-sống-sót-của-nó		
					H3117	H8300		

Chớ đứng nơi ngã ba đường đặng diệt những kẻ trốn tránh của nó, và chớ nộp những kẻ sống sót sau cùng của nó trong ngày nguy nan.

יַעֲשֶׂה	עָשִׂיתָ	כַּאֲשֶׁר	הַנּוֹצִים	כָּל-	עַל-	יְהוָה	יוֹם-	קָרוֹב	כִּי-	15
sẽ-được-làm	người-đã-làm	như	các-nước	tất-cả-	trên-	Giê-hô-va	ngày-	gần	Vi-	
				H3605		H3068	H3117	H7138		
		בְּרֹאשׁוֹ:	יָשׁוּב	נִמְלֵךְ	לָךְ					
		trên-đầu-người	sẽ-trở-về	việc-làm-của-người	cho-người					
			H7725	H1576						

Vì ngày của Đức Giê-hô-va đã gần trên hết thảy các nước: bấy giờ người ta sẽ làm cho người như chính mình người đã làm; những việc làm của người sẽ đổ lại trên đầu người.

הַנּוֹצִים	כָּל-	יִשְׁתּוּ	קִדְשֵׁי	הָרַ	עַל-	שְׁתִּיתָם	כַּאֲשֶׁר	כִּי-	16
các-nước	tất-cả-	sẽ-uống	thánh-của-Ta	núi	trên-	các-người-đã-uống	như	Vi	
	H3605	H8354	H6944	H2022		H8354			
		וְהָיוּ:	כָּלֹא	וְהָיוּ	וְלָעוּ	וְשָׁתוּ	תָמִיד		
		đã-có	như-không	và-họ-sẽ-trở-nên	và-nuốt	và-họ-sẽ-uống	liên-tục		
		H1961	H3808	H1961		H8354	H8548		

Phải, như các người đã uống trên núi thánh ta thể nào, thì hết thảy các nước cũng sẽ cứ uống thể ấy; phải, chúng nó sẽ uống và nuốt đi, rồi chúng nó sẽ như vốn không hề có!

בֵּית	וִירְשׁוֹ	קֹדֶשׁ	וְהָיָה	פְּלִיטָה	תְּהִיָּה	צִיּוֹן	וּבְהָרַ	17
nhà	và-sẽ-chiếm-hữu	sự-thánh-khiết	và-sẽ-có	sự-giải-cứu	sẽ-có	Si-ôn	Và-trên-núi	
	H3423	H6944	H1961	H6413	H1961	H6726	H2022	
				מִזְרָחָם:	אֵת	יַעֲקֹב		
				sản-nghiệp-của-họ	-	Gia-cốp		
				H4180	H0853	H3290		

Nhưng sẽ còn lại những người trốn khỏi trên núi Si-ôn, núi ấy sẽ là thánh, và nhà Gia-cốp sẽ được sản nghiệp mình.

לָקֶשׁ	עֵשׂוֹ	וּבֵית	לְהֶכָה	יוֹסֵף	וּבֵית	אֵשׁ	יַעֲקֹב	בֵּית-	וְהָיָה	18
rơm-rạ	Ê-sau	và-nhà	ngọn-lửa	Giô-sép	và-nhà	lửa	Gia-cốp	nhà-	Và-sẽ-có	
H7179	H6215		H3852	H3130		H0784	H3290		H1961	
עֵשׂוֹ	לְבֵית	שָׂרִיד	יְהִיָּה	וְלֹא-	וְאֶכְלֹם	בָּהֶם	וְדָלְקוּ			
Ê-sau	cho-nhà	người-sống-sót	sẽ-có	và-không-	và-thieu-đốt-chúng	chúng	và-họ-sẽ-đốt			
H6215		H8300	H1961	H3808	H0398		H1814			
						דָּבָר:	יְהוָה	כִּי		
						đã-phán	Giê-hô-va	vi		
						H1696	H3068			

Nhà Gia-cốp sẽ là lửa, và nhà Giô-sép sẽ là ngọn lửa; nhà Ê-sau sẽ là đồng rơm, mà chúng nó sẽ đốt và thiêu đi. Nhà Ê-sau sẽ không còn sót chi hết; vì Đức Giê-hô-va đã phán vậy.

פְּלִשְׁתִּים	אֶת-	וְהַשְׁפִּילָהּ	עֵשׂוֹ	הָרַ	אֶת-	הַנֶּגֶב	וִירְשׁוֹ	19
Phi-li-tin	-	và-Sê-phê-la	Ê-sau	núi	-	Nê-ghép	Và-họ-sẽ-chiếm-hữu	
H6430	H0853	H8219	H6215	H2022	H0853	H5045	H3423	
אֶת-	וּבְנֵימִן	שָׁמָרִין	שָׂרָה	וְאֵת	אֶפְרַיִם	שָׂרָה	אֶת-	
-	và-Bên-gia-min	Sa-ma-ri	đồng	và-	Êp-ra-im	đồng	-	
H0853	H1144	H8111		H0853	H0669		H0853	
							וִירְשׁוֹ	
							và-họ-sẽ-chiếm-hữu	
							H3423	
							הַגִּלְעָד:	
							Ga-la-át	
							H1568	

Những người ở phương nam sẽ được núi của Ê-sau, những kẻ ở đồng bằng sẽ được người Phi-li-tin làm kỷ vật, chúng nó sẽ được ruộng của Êp-ra-im và ruộng của Sa-ma-ri; những người Bên-gia-min sẽ được Ga-la-át.

וְנָלְתָּ וְנָחֵל- לְבָנֵי יִשְׂרָאֵל אֲשֶׁר- כְּנַעֲנִים
 Và-những-người-lưu-đày của-đạo-quân- này thuộc-con-cái Y-sơ-ra-ên là-
[H1546](#) [H2426](#) [H2088](#) [H3478](#)

עַד- צִרְפַּת וְנָלְתָּ יְרוּשָׁלַם אֲשֶׁר בְּסֶפֶרֶד יִרְשֻׁוּ אֶת-
 đến- Sa-rép-ta và-những-người-lưu-đày Giê-ru-sa-lem là ở-Sê-pha-rát sẽ-chiếm-hữu
[H5704](#) [H6886](#) [H1546](#) [H3389](#) [H5614](#) [H3423](#) [H0853](#)

הַנָּגֶב: עָרֵי
 của-Nê-ghép các-thành
[H5045](#)

Những kẻ phụ tù của cơ binh con cái Y-sơ-ra-ên ở giữa những người Ca-na-an, sẽ được đất nó cho đến Sa-rép-ta. Những phụ tù của Giê-ru-sa-lem ở tại Sê-pha-rát sẽ được các thành phương nam.

וְעָלָו מוֹשְׁעִים בְּתֶרֶם צִיּוֹן לְשָׁפֹט אֶת- הָרִנִּי עֵשָׂו
 Và-sẽ-lên những-người-giải-cứu trên-núi Si-ôn để-phán-xét - núi Ê-sau
[H5927](#) [H3467](#) [H2022](#) [H6726](#) [H8199](#) [H0853](#) [H2022](#) [H6215](#)

וְהָיְתָה לְיְהוָה הַמְּלוּכָה:
 và-sẽ-thuộc-về Giê-hô-va vương-quốc
[H1961](#) [H3068](#) [H4410](#)

Sẽ có các kẻ giải cứu lên trên núi Si-ôn đặng phán xét núi Ê-sau; còn nước thì sẽ thuộc về Đức Giê-hô-va.